

Bản án số: 175/2021/HS-PT
Ngày: 31/03/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tùng

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười
Bà Nguyễn Thị Thụy Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Thân Văn Nhường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Thông, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 431/2020/TLPT-HS ngày 31/08/2020 đối với bị cáo Bùi Thanh P và bị cáo Nguyễn Thanh D;

Do có kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 267/2020/HS-ST ngày 23/07/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Bùi Thanh P; giới tính: nam; sinh năm 1973 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: khu phố 04, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: tài xế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: Bùi Ngọc A và bà: Phạm Thị T; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 02 con (người con lớn sinh năm 2002; người con nhỏ sinh năm 2006);

Tiền sự: không; tiền án: không;

Ngày bị bắt, tạm giam: 19/10/2018 (có mặt).

2. Nguyễn Thanh D; giới tính: nam; sinh năm 1983 tại tỉnh Bình Dương; thường trú: khu phố 04, phường T, thị xã B, tỉnh Bình Dương; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: tài xế; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông: Nguyễn Văn B (chết) và bà: Ngô Thị Kim N; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 02 con (người con lớn sinh năm 2001; người con nhỏ sinh năm 2007);

Tiền sự: không; tiền án: không;

Ngày bị bắt, tạm giam: 10/10/2019 (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Bùi Thanh P:

1. Luật sư Hoàng Văn Thất S, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt);

2. Luật sư Nguyễn H, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam (có mặt);

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh D (do Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh phân công):

Luật sư Vũ Thanh H, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của người bị hại có kháng cáo:

1. Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1946 (là cha của người bị hại)
(vắng mặt);

2. Bà Đặng Thị Kim T, sinh năm 1948 (là mẹ của người bị hại)
(có mặt);

3. Bà Nguyễn Thị Hồng C, sinh năm 1985 (là vợ của người bị hại)
(vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vào năm 2001, bị cáo Bùi Thanh P kết hôn với bà Lê Thị Ngọc , có 02 người con chung và cư trú tại thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Bà Lê Thị Ngọc L mở quán cơm. Từ đầu năm 2017, ông Nguyễn Ngọc T thường đến ăn cơm tại quán nên quen biết bà Lê Thị Ngọc L.

Đến khoảng tháng 05/2018, Bùi Thanh P nghi ngờ bà Lê Thị Ngọc L có mối quan hệ tình cảm với ông Nguyễn Ngọc T nên đã cài đặt thiết bị định vị vào xe gắn máy do bà Lê Thị Ngọc L sử dụng (xe mang nhãn hiệu Honda SH Mode, biển số 61G1-587.21).

Khoảng 08 giờ 20 phút ngày 18/10/2018, ông Nguyễn Ngọc T hẹn gặp bà Lê Thị Ngọc L và sau đó, đi xe gắn máy (nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 63B6-327.20) đến phòng số 7 của nhà nghỉ Ánh M (tại ấp 4B, xã B, huyện Cì, Thành phố Hồ Chí Minh); bà Lê Thị Ngọc L đi xe gắn máy đến gặp ông T sau đó.

Vào khoảng 08 giờ 30 phút cùng ngày, Bùi Thanh P mở phần mềm định vị của điện thoại di động, phát hiện xe của bà Lê Thị Ngọc L đang ở xã Bình Mỹ, huyện C.

Nghi ngờ bà Lê Thị Ngọc L đi gặp gỡ ông Nguyễn Ngọc T, Bùi Thanh P lấy 01 con dao thái lan dài khoảng 23,5 cm (cán bằng gỗ dài khoảng 12cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 11,5cm, mũi nhọn) và cây đèn pin phóng điện (dài khoảng 19 cm, đường kính khoảng 3 cm; cơ quan chuyên môn xác định đây là

dụng cụ phóng điện có đèn chiếu sáng) cất giấu trong người, rồi đi xe gắn máy (nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 61B1-783.94) đến nhà Nguyễn Thanh D (là người bạn của Bùi Thanh P), rủ cùng đi bắt ghen; Nguyễn Thanh D đồng ý đi theo.

Đến khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, Bùi Thanh P và Nguyễn Thanh D tìm đến nhà nghỉ Ánh M, nhìn thấy xe của bà L để ngoài sân. Bùi Thanh P đi vào bên trong, đập cửa phòng trọ số 1, số 2 nhưng không thấy bà Lê Thị Ngọc L.

Vào lúc này, bà Trần Thị H (chủ nhà nghỉ Ánh M) cho biết rằng bà Lê Thị Ngọc L ở phòng số 7. Bùi Thanh P đập cửa phòng số 7 thì cửa phòng bị khóa. Bùi Thanh P đưa cây đèn pin phóng điện cho Nguyễn Thanh D và nói rằng nếu bị đánh, thì nhờ Nguyễn Thanh D hỗ trợ đánh lại.

Nguyễn Thanh D cầm cây đèn pin phóng điện và bấm thử. Khi Bùi Thanh P đẩy cửa phòng số 7 không được thì Nguyễn Thanh D hỗ trợ, đẩy cửa phòng số 7. Sau khi cửa mở, Bùi Thanh P xông vào, còn Nguyễn Thanh D vào đứng chắn tại cửa phòng. Bùi Thanh P nhìn thấy ông Nguyễn Ngọc T và bà Lê Thị Ngọc L đang đứng trong phòng, nên rút ra con dao Thái Lan giấu trong áo khoác, cầm dao bằng tay phải. Khi ông Nguyễn Ngọc T định bỏ chạy ra khỏi phòng, thì bị Bùi Thanh P cầm dao, đâm 01 nhát trúng ngực trái, rồi Bùi Thanh P ném dao xuống tại phòng.

Sau đó, ông Nguyễn Ngọc T tiếp tục bỏ chạy ra, thì bị Nguyễn Thanh D ngăn cản và đẩy lại vào bên trong phòng. Ông Nguyễn Ngọc T tiếp tục bỏ chạy ra khỏi nhà nghỉ, Nguyễn Thanh D đuổi theo để đánh nhưng không kịp nên quay lại.

Khi chạy ra khỏi nhà nghỉ Ánh M, đến bên hông nhà ông Huỳnh Minh T (tổ 5, ấp 4B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) thì ông Nguyễn Ngọc T gục chết.

Vào lúc này, khi nhìn thấy 01 sợi dây chuyền, 01 lắc tay, 01 nhẫn trong nón bảo hiểm của ông Nguyễn Ngọc T (đang để trên bàn trong phòng số 7), thì bà Lê Thị Ngọc L lấy số tài sản này, bỏ vào ba-lô của ông Nguyễn Ngọc T.

Bùi Thanh P nhìn thấy điện thoại di động (hiệu Samsung) của ông Nguyễn Ngọc T (đang để trên bàn) và nhìn thấy bà Lê Thị Ngọc L lấy số nữ trang nói trên bỏ vào ba-lô của ông Nguyễn Ngọc T. Vì nghi ngờ là tài sản do bà Lê Thị Ngọc L mua sắm cho ông Nguyễn Ngọc T, nên Bùi Thanh P lấy điện thoại Samsung bỏ vào túi áo khoác và tiếp tục giằng co với bà Lê Thị Ngọc L, nhằm để lấy ba-lô của ông Nguyễn Ngọc T. Trong khi giằng co, sợi dây đeo tay bằng vàng trên tay của bà Lê Thị Ngọc L bị đứt. Vì vậy, Bùi Thanh P không giằng co nữa, bỏ đi ra, đứng ngoài cửa phòng.

Sau đó, bà Lê Thị Ngọc L lấy lại sợi dây đeo tay bị đứt, bỏ vào ba-lô của ông Nguyễn Ngọc T, rồi để ba-lô sau cánh cửa phòng số 5. Bùi Thanh P thấy vậy, liền đi đến, giật lấy ba-lô của ông Nguyễn Ngọc T, rồi lấy xe chở Nguyễn Thanh D đi về. Khi đi đến cầu P (quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh), Bùi Thanh

P nhận được cuộc điện thoại của bà Lê Thị Ngọc L. Bùi Thanh P dừng xe, chờ bà Lê Thị Ngọc L đến và lấy điện thoại Samsung của ông Nguyễn Ngọc T trong túi áo khoác, đưa cho Nguyễn Thanh D giữ (đề sau đó, Bùi Thanh P kiểm tra hình ảnh và tin nhắn giữa bà Lê Thị Ngọc L và ông Nguyễn Ngọc T). Khi bà Lê Thị Ngọc L đi đến, Bùi Thanh P nhờ Nguyễn Thanh D dừng xe máy (biển số 61B1-783.94 của Bùi Thanh P) đi đón người con của Bùi Thanh P; bà Lê Thị Ngọc L lấy ba-lô của ông Nguyễn Ngọc T, mang qua xe biển số 61G1-587.21 rồi cùng Bùi Thanh P đi về nhà.

Khi Bùi Thanh P chở bà Lê Thị Ngọc L về đến nhà, thì Nguyễn Thanh D cũng vừa đón người con của Bùi Thanh P về nhà; Nguyễn Thanh D trả lại cây đèn pin phóng điện cho Bùi Thanh P rồi đi về nhà.

Vào ngày 19/10/2018, Cơ quan Cảnh sát Điều tra-Công an huyện C ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp và sau đó ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Bùi Thanh P và thi hành các lệnh này theo các biên bản cùng ngày 19/10/2018 (bút lục số 19, 20, 22, 23).

Vào ngày 30/9/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Thanh D và thi hành theo biên bản ngày 10/10/2019 (bút lục số 39, 40). Tại cơ quan Điều tra, Bùi Thanh P và Nguyễn Thanh D thừa nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Bản Kết luận giám định số 225-18/KLGD-SV ngày 16/11/2018 của Phòng Kỹ thuật Hình sự-Công an Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 170-174) ghi nhận như sau:

- Mẫu máu của Nguyễn Ngọc T do bác sỹ Pháp y-Phòng Kỹ thuật Hình sự-Công an Thành phố Hồ Chí Minh thu ngày 19/10/2018 thuộc nhóm máu B.

1. Con dao cần giám định (nội dung đã nêu ở mục II.1.1: con dao được niêm phong bằng hình dấu của Công an xã Bình Mỹ, huyện Củ Chi và chữ ký ghi tên Trần Thị H; con dao dài 23,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại dài 11,5 cm, mũi nhọn, bản lưỡi chỗ rộng nhất 1,9 cm, trên một mặt lưỡi có chữ KIWI BRAND STAINLESS STEEL. Cán dao bằng gỗ, trên cán có 02 con tán màu vàng): có dính máu người, thuộc nhóm máu B, cùng nhóm máu với mẫu máu của Nguyễn Ngọc T.

2. Áo khoác cần giám định (nội dung đã nêu ở mục II.1.2: cái áo được niêm phong bằng hình dấu của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C và chữ ký ghi tên Bùi Thanh P. Trên áo có dính một số chấm nhỏ sậm màu): có dính máu người, dấu vết ít không xác định được nhóm máu.

3. Dấu vết hiện trường ghi 1 cần giám định (nội dung đã nêu ở mục II.1.3: Dấu vết hiện trường được bỏ trong túi nylon ghi số 1, dấu vết được thu bằng mảnh gạc có hình dạng và kích thước không rõ, chất màu nâu đỏ thẫm không đều mảnh gạc): là máu người, thuộc nhóm máu B, cùng nhóm máu với mẫu máu của Nguyễn Ngọc T.

4. Dấu vết hiện trường ghi 2 cần giám định (nội dung đã nêu ở mục II.1.4: Dấu vết hiện trường được bỏ trong túi nylon ghi số 2, dấu vết được thu bằng mảnh gạc có hình dạng và kích thước không rõ, chất màu nâu đỏ thấm không đều mảnh gạc): là máu người, thuộc nhóm máu B, cùng nhóm máu với mẫu máu của Nguyễn Ngọc T.

5. Dấu vết hiện trường ghi 3 cần giám định (nội dung đã nêu ở mục II.1.5: Dấu vết hiện trường được bỏ trong túi nylon ghi số 3, dấu vết được thu bằng mảnh gạc có hình dạng và kích thước không rõ, chất màu nâu nhạt thấm rải rác trên mảnh gạc): là máu người, dấu vết ít không xác định được nhóm máu.

6. Dấu vết hiện trường ghi 4 cần giám định (nội dung đã nêu ở mục II.1.6: Dấu vết hiện trường được bỏ trong túi nylon ghi số 4, dấu vết được thu bằng mảnh gạc có hình dạng và kích thước không rõ, chất màu nâu nhạt thấm loang lổ trên mảnh gạc): là máu người, dấu vết ít không xác định được nhóm máu.

7. Dấu vết hiện trường ghi 5 cần giám định (nội dung đã nêu ở mục II.1.7: Dấu vết hiện trường được bỏ trong túi nylon ghi số 5, dấu vết được thu bằng mảnh gạc có hình dạng và kích thước không rõ, chất màu nâu nhạt thấm rải rác trên mảnh gạc): là máu người, dấu vết ít không xác định được nhóm máu.

8. Dấu vết hiện trường ghi 6 cần giám định (nội dung đã nêu ở mục II.1.8: Dấu vết hiện trường được bỏ trong túi nylon ghi số 6, dấu vết được thu bằng mảnh gạc có hình dạng và kích thước không rõ, trên mảnh gạc có dính ít chất màu nâu nhạt): là máu người, dấu vết ít không xác định được nhóm máu.

9. Dấu vết hiện trường ghi 7 cần giám định (nội dung đã nêu ở mục II.1.9: Dấu vết hiện trường được bỏ trong túi nylon ghi số 7, dấu vết được thu bằng mảnh gạc có hình dạng và kích thước không rõ, trên mảnh gạc có dính ít chất màu nâu nhạt): là máu người, dấu vết ít không xác định được nhóm máu.

10. Dấu vết hiện trường ghi 7 cần giám định (nội dung đã nêu ở mục II.1.10: Dấu vết hiện trường được bỏ trong túi nylon ghi số 7, dấu vết được thu bằng mảnh gạc có hình dạng và kích thước không rõ, trên mảnh gạc có dính ít chất màu nâu nhạt): là máu người, dấu vết ít không xác định được nhóm máu.

Bản Kết luận giám định pháp y tử thi số 911-18/KLGD-PY ngày 28/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 175-184) đối với ông Nguyễn Ngọc T thể hiện như sau:

1. Các kết quả chính:

- Vết thương ở nếp lằn nách trước trái có dạng hình bầu dục, bờ mép sắc gọn, kích thước 2,6cm x 0,7cm làm thủng cơ ngực trái, đứt rời động – tĩnh mạch dưới đòn trái và 1 số dây thần kinh nách trái, thủng cơ liên sườn 3 bên trái ở cung bên dạng hình khe, thủng mặt trước ngoài thùy trên phổi trái dạng hình khe dài 1,5cm, sâu 3cm, vết thương có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau và từ trái sang phải, sâu khoảng 11cm.

Khoang ngực trái có khoảng 1.800 ml máu không đông.

- Các tạng khác nhợt nhạt và không tổn thương.

- Kết quả phân tích mẫu máu ông Nguyễn Ngọc T bằng phương pháp hấp phụ - tách: mẫu máu thuộc nhóm máu B.

2. Kết luận:

- Nguyên nhân chết: Nguyễn Ngọc T chết do sốc mất máu hồi phục do vết thương đâm đứt động – tĩnh mạch dưới đòn trái, thủng phổi trái.

- Máu của Nguyễn Ngọc T thuộc nhóm máu B.

Ngày 28/02/2019, Cơ quan Cảnh sát Điều tra-Công an Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 1961/CV-PC02 (Đ 7) (BL 169) đề nghị Phòng Kỹ thuật Hình sự-Công an Thành phố Hồ Chí Minh giải thích rằng con dao dài 23,5 cm được thu giữ, có thể gây ra được vết thương trên người ông Nguyễn Ngọc T hay không.

Vào ngày 02/04/2019, Phòng Kỹ thuật Hình sự-Công an Thành phố Hồ Chí Minh có công văn số 285/CV-PC09- Đ 4 (bút lục số 185) trả lời như sau:

Qua nghiên cứu hồ sơ giám định pháp y lưu trữ, công văn và bản ảnh con dao nói trên, Phòng Kỹ thuật hình sự trả lời như sau:

1. Cơ chế hình thành dấu vết thương tích trên người ông Nguyễn Ngọc T:

1.1. Vết thương ở nếp lằn nách trước trái có dạng hình bầu dục, bờ mép sắc gọn, kích thước 2,6cm x 0,7cm làm thủng cơ ngực trái, đứt rời động – tĩnh mạch dưới đòn trái và 1 số dây thần kinh nách trái, thủng cơ liên sườn 3 bên trái ở cung bên dạng hình khe, thủng mặt trước và ngoài thùy trên phổi trái dạng hình khe dài 1,5cm, sâu 3cm do vật sắc nhọn gây ra theo cơ chế đâm.

1.2. Tổn thương xây xát da và bầm tụ máu lưng trái ngang đốt sống ngực 6, 7, kích thước 5cm x 1,5cm do tiếp xúc với vật tày gây ra.

2. Nhận định:

Căn cứ vào cơ chế hình thành các vết thương để lại trên cơ thể ông Nguyễn Ngọc T thì con dao như mô tả trong công văn là vật sắc nhọn, có thể gây ra được vết thương tại mục 1.1 và không gây ra được tổn thương tại mục 1.2 nêu trên.

Bản Kết luận định giá tài sản số 4453/KL-HĐ ĐGTS ngày 19/7/2019 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp thành phố - Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 197-198) thể hiện như sau:

Hội đồng thống nhất kết quả định giá tài sản trong vụ án theo giá thị trường tại thời điểm ngày 18/10/2018, cụ thể như sau:

1. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định số 30/2018/NĐ-CP ngày 07/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của Hội đồng định giá tài sản; trình tự, thủ tục định giá tài sản trong tổ tụng hình sự: “Từ chối thực hiện định giá tài sản trong trường hợp thời gian không đủ để tiến hành định giá; không đủ các điều kiện cần thiết để tiến hành định giá; các tài liệu cung cấp không đầy đủ hoặc không có giá trị để định giá; nội dung yêu

cầu định giá vượt quá phạm vi hiểu biết chuyên môn của mình”. Thống nhất từ chối định giá đối với chiếc nhẫn bằng hợp kim vàng có đính đá và sợi dây chuyền bằng hợp kim vàng có đính đá do không xác định được trọng lượng vàng và loại vàng.

2. Thống nhất giá trị của tài sản trong vụ án “*Giết người*” xảy ra tại nhà nghỉ Ánh M, ấp 4B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh theo giá thị trường tại thời điểm ngày 18/10/2018.

Đơn vị tính: đồng;

STT Tài sản định giá Giá trị tài sản

1. Chiếc lắc bằng hợp kim vàng, có hàm lượng vàng từ 60,9% đến 61,1%, vàng 14K, trọng lượng: 01 lượng, 01 chỉ, 08 phân, 09 ly 25.149.332;

2.01 điện thoại Samsung A8 Plus, màu đen, dung lượng 64GB, đã qua sử dụng 5.538.500;

Tổng cộng: 30.687.832.

Bản Kết luận giám định số 762/KLGD-H ngày 28/5/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự-Công an Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 187-191) đối với 01 tập video có tên và định dạng là “phi.asf”, kích thước 518MB, được lưu trữ trong bộ nhớ USB DT101 G2 hiệu Kingston màu xanh dương, dung lượng 4GB được niêm phong bằng 01 hình dấu của Công an xã B, huyện C, có 01 chữ ký xác nhận mang tên Trần Thị H thể hiện:

- Thời gian xảy ra đánh nhau mà camera ghi nhận là khoảng thời gian từ 10 giờ 59 phút 48 giây đến 11 giờ 00 phút 02 giây, ngày 18/10/2018 theo giờ hệ thống camera như trong tập tin video cần giám định.

- Đã trích xuất dữ liệu tập tin video ra bản ảnh và mô tả đặc điểm nội dung các hình ảnh trong khoảng thời gian xảy ra đánh nhau từ 10 giờ 59 phút 48 giây đến 11 giờ 00 phút 02 giây (có phụ lục kèm theo).

- Không tìm thấy dấu hiệu cắt ghép trong khoảng thời gian xảy ra đánh nhau của tập tin video cần giám định.

Bản Kết luận giám định số 162/KLGD-TT ngày 15/01/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự-Công an Thành phố Hồ Chí Minh (bút lục số 186) đối với 01 dụng cụ phóng điện tích hợp đèn pin nhãn hiệu “POLICE” thể hiện: dụng cụ nhãn hiệu “POLICE” gửi giám định là dụng cụ phóng điện có đèn chiếu sáng, hoạt động bình thường. Dụng cụ phóng điện này khi sử dụng tùy vào thời gian phóng điện và vị trí phóng điện trên cơ thể người bị tấn công, làm người bị tấn công giật mình, gây co cơ, mất phương hướng, mất thăng bằng, không cử động được và mất sự phản kháng trong một thời gian. Căn cứ quy định tại điểm e khoản 11 Điều 3 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ thì dụng cụ gửi giám định nêu trên là công cụ hỗ trợ có tính năng tác dụng tương tự, thuộc nhóm công cụ hỗ trợ.

Tại bản cáo trạng số 86/CT-VKS-P2 ngày 28/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố:

- Bùi Thanh P về tội “Giết người” và tội “Cướp tài sản” theo Điểm e, n Khoản 1 Điều 123 và Khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Nguyễn Thanh D về tội “Giết người” theo Điểm n Khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 267/2020/HS-ST ngày 23/07/2020, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định như sau:

Căn cứ vào Điểm n, e Khoản 1 Điều 123 và Khoản 1 Điều 168; Điểm s, b Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Bùi Thanh P);

Căn cứ vào Điểm n Khoản 1 Điều 123; Điểm s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (đối với bị cáo Nguyễn Thanh D);

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 73 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh P phạm tội “*Giết người*” và tội “*Cướp tài sản*”; bị cáo Nguyễn Thanh D phạm tội “*Giết người*”;

Xử phạt:

1. Bùi Thanh P: 20 (hai mươi) năm tù về tội “*Giết người*”; 03 (ba) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”;

Tổng hợp hình phạt của 02 tội là: 23 (hai mươi ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2018.

2. Nguyễn Thanh D: 08 (tám) năm tù về tội “*Giết người*”.

Thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Vào ngày 29/07/2020, người đại diện hợp pháp của người bị hại, gồm có: ông Nguyễn Văn Q và bà Đặng Thị Kim T (là cha, mẹ của người bị hại); bà Nguyễn Thị Hồng C (là vợ của người bị hại) cùng có đơn kháng cáo; nội dung kháng cáo như sau:

-Yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm tuyên bố bị cáo Bùi Thanh P không phạm tội “*Cướp tài sản*” và yêu cầu Tòa án cấp Phúc thẩm giảm hình phạt cho bị cáo Bùi Thanh P về tội “*Giết người*”.

Vào ngày 04/08/2020, bị cáo Bùi Thanh P và bị cáo Nguyễn Thanh D có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến như sau:

-Bà Đặng Thị Kim T (là mẹ của người bị hại) xác nhận rằng ông Nguyễn Văn Q, bà Đặng Thị Kim T và bà Nguyễn Thị Hồng C đều giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đã ghi trong đơn kháng cáo ngày 29/07/2020. Bà Đặng Thị Kim T cho rằng việc kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo Bùi Thanh P hoàn toàn do sự tự nguyện của mình, do sự thông cảm với bị cáo Bùi Thanh P về nguyên nhân thực hiện tội phạm và do sự tha thứ cho bị cáo Bùi Thanh P về hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra;

-Bị cáo Bùi Thanh P thừa nhận rằng Tòa án xét xử bị cáo về tội “*Cướp tài sản*” là đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, xin Tòa án cấp Phúc thẩm giảm hình phạt;

-Bị cáo Bùi Thanh D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt như đã nêu ra trong đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trình bày ý kiến như sau:

-Đối với bị cáo Bùi Thanh P: bị cáo đã dùng dao đâm chết ông Nguyễn Ngọc T và sau đó, dùng vũ lực cướp tài sản của người bị hại. Như vậy, bị cáo phạm tội “*Giết người*” và tội “*Cướp tài sản*” theo Điều 123 và Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp Sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 20 năm tù về tội “*Giết người*”; xử phạt 03 năm tù về tội “*Cướp tài sản*”; hình phạt như vậy là tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo Bùi Thanh P kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có tình tiết gì mới, đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm không chấp nhận;

-Đối với bị cáo Nguyễn Thanh D: bị cáo là đồng phạm với bị cáo Bùi Thanh P trong tội “*Giết người*”. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp Sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo 08 năm tù về tội “*Giết người*”; hình phạt như vậy là tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo Nguyễn Thanh D kháng cáo xin giảm hình phạt nhưng không có tình tiết gì mới, đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm không chấp nhận.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Thanh P trình bày ý kiến như sau:

-Luật sư Hoàng Văn Thất S:

Đối với tội “*Cướp tài sản*”, có tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện rằng số tài sản mà bị cáo bị xét xử về tội “*Cướp tài sản*” là do bà Lê Thị Ngọc L mua, không phải là tài sản của người bị hại. Vì vậy, Tòa án xét xử bị cáo Bùi Thanh P về tội “*Cướp tài sản*” là không đúng pháp luật.

Đối với tội “*Giết người*”: bị cáo Bùi Thanh P hoàn toàn không có ý định giết người bị hại. Nhưng vì chứng kiến người vợ của bị cáo và người bị hại ở chung một phòng tại nhà nghỉ, bị cáo Bùi Thanh P đã không kiềm nén được tức giận, nên đã thực hiện hành vi phạm tội.

Sau khi phạm tội, bị cáo có thái độ ăn năn, hối cải về hành vi của mình; gia đình người bị hại có đơn yêu cầu giảm hình phạt cho bị cáo và gia đình của bị cáo có người thân là người có công với đất nước. Vì vậy, đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm xét giảm hình phạt cho bị cáo;

-Luật sư Nguyễn H: hành vi phạm tội “*Giết người*” của bị cáo Bùi Thanh P không thuộc vào trường hợp “*Phạm tội có tính chất côn đồ*”, chiếu theo Án lệ số 17/2018/AL của Tòa án nhân dân tối cao; đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm giảm hình phạt cho bị cáo. Đối với tội “*Cướp tài sản*”, đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm xem xét theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh D trình bày ý kiến như sau:

Tòa án cấp Sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Thanh D là đồng phạm tích cực trong tội “*Giết người*”, là không đúng với diễn biến của vụ án.

Bị cáo Nguyễn Thanh D là người có học vấn thấp, không hiểu biết pháp luật; bị cáo có gia cảnh khó khăn.

Với những ý kiến nói trên, Luật sư đề nghị Tòa án cấp Phúc thẩm giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Thanh D.

Trong phần tranh luận trở lại, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh không đồng ý với các ý kiến bào chữa của Luật sư và vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày nói trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào năm 2001, bị cáo Bùi Thanh P kết hôn với bà Lê Thị Ngọc L, có 02 người con chung và cư trú tại thị xã B, tỉnh Bình Dương.

Do bà Lê Thị Ngọc L có quán bán cơm, từ đầu năm 2017, ông Nguyễn Ngọc T đến ăn cơm tại quán của bà Lê Thị Ngọc L nên hai người quen biết nhau.

Nghi ngờ bà Lê Thị Ngọc L có mối quan hệ tình cảm với ông Nguyễn Ngọc T, nên Bùi Thanh P đã cài thiết bị định vị vào xe máy mà bà Lê Thị Ngọc L sử dụng (xe mang nhãn hiệu Honda SH Mode, biển số 61G1-587.21). Vì vậy, vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 18/10/2018, thông qua máy điện của mình, Bùi Thanh P phát hiện bà Lê Thị Ngọc L đang ở xã B, huyện C.

Sau đó, Bùi Thanh P lấy 01 con dao Thái Lan dài khoảng 23,5cm (cán bằng gỗ dài khoảng 12cm, lưỡi bằng kim loại dài khoảng 11,5cm, mũi nhọn) và cây đèn pin phóng điện (dài khoảng 19cm, đường kính khoảng 3cm) (cơ quan chuyên môn xác định đây là dụng cụ phóng điện có đèn chiếu sáng) cất giấu

trong người, rồi lái xe máy (nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 61B1-783.94) rủ Nguyễn Thanh D (là người bạn của Bùi Thanh P) đi bắt ghen; Nguyễn Thanh D đồng ý đi theo.

Vào khoảng 09 giờ 30 phút cùng ngày, Bùi Thanh P và Nguyễn Thanh D đến nhà nghỉ Ánh M (tại ấp 4B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh). Khi nhìn thấy xe của bà Lê Thị Ngọc L để ngoài sân, Bùi Thanh P đi vào bên trong và sau đó, tìm thấy bà Lê Thị Ngọc L và ông Nguyễn Ngọc T đang ở trong phòng số 7.

Không kìm được sự tức giận, Bùi Thanh P đã rút con dao Thái Lan mang theo, đâm 01 nhát trúng ngực trái của ông Nguyễn Ngọc T rồi ném dao xuống tại phòng. Khi ông Nguyễn Ngọc T bỏ chạy ra ngoài thì bị cáo Nguyễn Thanh D ngăn cản và đẩy lại vào bên trong phòng; ông Nguyễn Ngọc T tiếp tục bỏ chạy, thoát ra khỏi nhà nghỉ, đến bên hông nhà ông Huỳnh Minh T (tổ 5, ấp 4B, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh) thì gục chết.

Cũng trong quá trình xô xát tại nhà nghỉ Ánh M nói trên, vì cho rằng các tài sản (bao gồm 01 sợi dây chuyền, 01 lắc tay, 01) mà bà Lê Thị Ngọc L mang bỏ vào ba-lô của ông Nguyễn Ngọc T, là tài sản của ông Nguyễn Ngọc có được do bà Lê Thị Ngọc L mua sắm cho, nên Bùi Thanh P đã dùng vũ lực để giành lấy ba-lô đựng số tài sản này, cùng với 01 điện thoại di động (hiệu Samsung) của ông Nguyễn Ngọc T, để mang đi.

[2]Kết luận giám định pháp y tử thi số 911-18/KLGD-PY ngày 28/12/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh đối với ông Nguyễn Ngọc T thể hiện nội dung như sau:

“1. Các kết quả chính:

- Vết thương ở nếp lằn nách trước trái có dạng hình bầu dục, bờ mép sắc gọn, kích thước 2,6cm x 0,7cm làm thủng cơ ngực trái, đứt rời động – tĩnh mạch dưới đòn trái và 1 số dây thần kinh nách trái, thủng cơ liên sườn 3 bên trái ở cung bên dạng hình khe, thủng mặt trước ngoài thùy trên phổi trái dạng hình khe dài 1,5cm, sâu 3cm, vết thương có chiều hướng từ trên xuống dưới, từ trước ra sau và từ trái sang phải, sâu khoảng 11cm.

Khoang ngực trái có khoảng 1800ml máu không đông.

- Các tạng khác nhợt nhạt và không tổn thương.

- Kết quả phân tích mẫu máu ông Nguyễn Ngọc T bằng phương pháp hấp phụ - tách: mẫu máu thuộc nhóm máu B.

2. Kết luận:

- Nguyên nhân chết: Nguyễn Ngọc T chết do sốc mất máu hồi phục do vết thương đâm đứt động – tĩnh mạch dưới đòn trái, thủng phổi trái”.

[3]Tại phiên tòa Phúc thẩm, bị cáo Bùi Thanh P và bị cáo Nguyễn Thanh D thừa nhận các hành vi phạm tội nói trên.

Sự nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản giải phẫu tử thi; phù hợp với các bản kết luận giám định pháp y, các bản kết luận định giá, các lời khai của những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác của vụ án.

Như vậy, Tòa án có đủ căn cứ kết luận rằng bị cáo Bùi Thanh P phạm tội “*Giết người*” theo Điểm n, e Khoản 1 Điều 123 (với 02 tình tiết định khung hình phạt) và “*Cướp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015; bị cáo Nguyễn Thanh D phạm tội “*Giết người*” theo Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 với vai trò là đồng phạm giúp sức cho bị cáo Bùi Thanh P phạm tội “*Giết người*”.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Bùi Thanh P cho rằng, bị cáo không phạm tội “*Cướp tài sản*” vì số tài sản mà Bùi Thanh P mang đi, là tài sản của bà Lê Thị Ngọc L, đồng thời cũng là tài sản chung của bà Lê Thị Ngọc L và bị cáo Bùi Thanh P (tài sản chung của vợ-chồng).

Xét thấy, căn cứ vào diễn biến của vụ án, đã xác định được rằng, bị cáo Bùi Thanh P giành lấy 01 điện thoại hiệu Samsung của ông Nguyễn Ngọc T và giành lấy ba-lô của ông Nguyễn Ngọc T, trong đó có tài sản (bao gồm 01 sợi dây chuyền, 01 lắc tay, 01), là do bị cáo cho rằng các tài sản này, là do bà Lê Thị Ngọc L mua sắm cho ông Nguyễn Ngọc T. Như vậy, về mặt ý chí, bị cáo cho rằng tài sản đó là của ông Nguyễn Ngọc T và ngay sau đó, dùng vũ lực để giành lấy; hành vi này của bị cáo hội đủ các yếu tố để quy kết về tội “*Cướp tài sản*” theo Khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo và kháng cáo của những người đại diện của người bị hại:

[4.1] Đối với bị cáo Bùi Thanh P:

Tại cấp Phúc thẩm, tất cả những người đại diện hợp pháp của người bị hại (bao gồm: cha, mẹ của người bị hại; vợ của người bị hại) đều kháng cáo, đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo về tội “*Giết người*”, cho rằng việc kháng cáo xin giảm hình phạt cho bị cáo Bùi Thanh P hoàn toàn do sự tự nguyện của mình, do sự thông cảm với bị cáo Bùi Thanh P về nguyên nhân thực hiện tội phạm và do sự tha thứ cho bị cáo Bùi Thanh P về hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra; (về trách nhiệm dân sự, bị cáo đã bồi thường xong, nên người đại diện của người bị hại không có yêu cầu gì nữa); đây là tình tiết mới của vụ án. Ngoài ra, bị cáo Bùi Thanh P cũng có kháng cáo.

Căn cứ vào hoàn cảnh, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo và tình tiết mới của vụ án, Tòa án cấp Phúc thẩm xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo Bùi Thanh P về tội “*Giết người*”.

[4.2] Đối với bị cáo Nguyễn Thanh D:

Bị cáo Nguyễn Thanh D là đồng phạm với bị cáo Bùi Thanh P về tội “*Giết người*” theo Điểm n Khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015, trong đó, bị cáo Bùi Thanh P là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội; bị cáo Nguyễn

Thanh D là người giúp sức; hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm chết một người.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp Sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh D hình phạt 08 năm tù; hình phạt này tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thanh D kháng cáo nhưng không có tình tiết gì mới. Do đó, Tòa án cấp Phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 330; Điều 344; Điều 345 và Điều 355 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015;

1/Chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của người bị hại và chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thanh P; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thanh D.

Sửa bản án Sơ thẩm về phần hình phạt của bị cáo Bùi Thanh P về tội “*Giết người*”, như sau:

Căn cứ Điểm n, e Khoản 1 Điều 123 và Khoản 1 Điều 168; Điểm s, b Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo Bùi Thanh P);

Căn cứ Điểm n Khoản 1 Điều 123; Điểm s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (đối với bị cáo Nguyễn Thanh D);

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 73 của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Án phí, Lệ phí Tòa án;

Tuyên bố bị cáo Bùi Thanh P phạm tội “*Giết người*” và tội “*Cướp tài sản*”;

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh D phạm tội “*Giết người*”.

-Xử phạt bị cáo Bùi Thanh P 18 (mười tám) năm tù về tội “*Giết người*”; 03 (ba) năm tù về tội “*Cướp tài sản*”;

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Bùi Thanh P chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 21 (hai mươi một) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2018.

-Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh D 08 (tám) năm tù về tội “*Giết người*”; thời hạn tù tính từ ngày 10/10/2019.

Tiếp tục giam các bị cáo Bùi Thanh P và Nguyễn Thanh D để bảo đảm việc thi hành án.

2/Về án phí phúc thẩm: bị cáo Nguyễn Thanh D phải chịu 200.000 đồng.

3/Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại TP.HCM (1);
- TAND TP.HCM (3);
- VKSND TP.HCM (1);
- Công an TP.HCM (1);
- Sở tư pháp TP.HCM (1);
- Cục THADS TP.HCM (1);
- Trại tạm giam Công an TP.HCM (3);
- Bị cáo (2);
- Đại diện hợp pháp của người bị hại (3);
- Lưu HSVA (2), VT (6), (TVN).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thanh Tùng